

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 35/CV-TT ngày 08/4/2024 của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinh Phát về việc giải trình những nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong hội đồng thẩm định của Dự án xây dựng khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở tại phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinh Phát, địa chỉ tại Tổ 8, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án xây dựng Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở tại phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án xây dựng Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0700635012. Đăng ký lần đầu ngày 21/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ

09 ngày 13/07/2022. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700635012.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tổng diện tích của dự án khoảng 4.946,0 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinh Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

*(Từ ngày tháng 4 năm 2024 đến ngày tháng 4 năm 2034).*

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (*để b/c*);
- UBND thành phố Phú Lý;
- Công ty TNHH ĐTXD Vinh Phát (*để thực hiện*);
- TT TTDL&PTQĐ (*đăng web*);
- Lưu: VT, MT, HS.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Chí Thống**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt bao gồm:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà ở liền kề.
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu liền kề thương mại.
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại trung tâm thương mại.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

#### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hệ thống thoát nước chung của thành phố Phủ Lý (theo văn bản số 16/UBND-QLĐT ngày 04/01/2024 của UBND thành phố Phủ Lý).

#### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ ) như sau: X=2271028; Y=594187

#### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 43 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm cưỡng bức

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục 24h/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

- Hệ thống thu gom nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải từ nguồn phát sinh được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại, sau đó được thu gom bằng hệ thống đường ống dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 43m<sup>3</sup>/ngày.đêm trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinh Phát đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 43m<sup>3</sup>/ngày.đêm cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt từ các nguồn số 1,2,3 → Bể tự hoại → Hồ ga thu gom → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể xử lý thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Xả ra hệ thống thoát nước chung.

- Công suất thiết kế: công suất 43m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Viên nén khử trùng NaClO 75,6 kg/năm; (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

#### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Trang thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố như: tắc vỡ đường ống, rò rỉ bể xử lý, hỏng bơm và các thiết bị xử lý.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp thời gian khắc phục sự cố kéo dài chủ dự án sẽ thuê đơn vị có năng lực đến thu gom nước thải mang đi xử lý theo quy định.

- Có nhật ký vận hành đầy đủ của hệ thống để kịp thời phát hiện nguyên nhân khi xảy ra sự cố.

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** 06 tháng (Dự kiến từ tháng 06 năm 2026 đến hết tháng 12 năm 2026).

**2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:** Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 43m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu**

- Nước thải sinh hoạt trước hệ thống xử lý (tại bể thu gom).

- Nước thải sau trạm xử lý tại hồ ga sau bể khử trùng trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu:** 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-STN&MT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Máy thổi khí của trạm xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ ) như sau: X =2271021; Y =594193.

**3. Tiếng ồn, độ rung** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng*  
*Năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng:

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Son, mực, hộp mực in thải, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	7
2	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	3
3	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	4
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	15
5	Than hoạt tính từ quá trình xử lý mùi trạm xử lý nước thải	12 01 04	70
6	Thùng chứa dầu thải	11 02 01	30
7	Vỏ bao bì đựng chất thải nguy hại	18 01 03	6
8	Pin, ắc quy thải	19 06 01	12
	<b>Tổng</b>		<b>148</b>

**1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh**

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải: Khối lượng phát sinh khoảng 785,66 kg/năm.

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

- Chất thải sinh hoạt từ hoạt động của khu vực nhà ở khoảng 96,48 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thiết bị lưu chứa đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.

2.1.2. Khu vực lưu giữ:

- Diện tích kho: 6,3m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: sàn bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái bê tông cốt thép. Trong kho bố trí các thiết bị lưu chứa riêng từng loại chất thải nguy hại, dán mã và nhãn cảnh báo từng loại CTNH tương ứng. Ngoài cửa kho có biển hiệu cảnh báo CTNH và bố trí các phương tiện ứng phó sự cố.



## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Tại khu trung chuyển rác thải và các thùng rác dung tích 60 lít/thùng đặt tại các khu vực công cộng.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 10m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được xây dựng bằng gạch, nền bê tông, có mái che đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường**

Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được thu gom, lưu giữ tại bể chứa bùn có thể tích khoảng 14,8 m<sup>3</sup>.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng và hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.